

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

#### GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 10/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Công tác Sinh viên.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng các ban chức năng có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị thành viên, trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Minh Tâm**

## QUY ĐỊNH

### Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQG ngày tháng 01 năm 2024  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Văn bản này quy định những vấn đề về công tác khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM).

2. Đối tượng áp dụng: Văn bản này áp dụng đối với các Cơ sở đào tạo (CSĐT) thành viên và trực thuộc ĐHQG-HCM có đào tạo sinh viên chính quy tốt nghiệp văn bằng thứ nhất trình độ đại học.

#### Điều 2. Giải thích từ ngữ và từ ngữ viết tắt

Giải thích từ ngữ:

- Sinh viên tốt nghiệp có việc làm: là sinh viên chính quy, tốt nghiệp văn bằng thứ nhất trình độ đại học đang làm việc tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước theo hình thức toàn thời gian hay bán thời gian... hoặc tự tạo việc làm trong thời gian 12 tháng sau khi tốt nghiệp (18 tháng đối với ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe).

- Công tác khảo sát tình hình việc làm (sau đây gọi là KSTHVL) của sinh viên tốt nghiệp: là hoạt động thu thập, cập nhật về tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp và phân tích, đánh giá các nội dung liên quan đến tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp.

Từ ngữ viết tắt:

- Bộ GD&ĐT: Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- CSDL: cơ sở dữ liệu.
- CSĐT: cơ sở đào tạo.
- ĐHQG-HCM: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- KSTHVL: khảo sát tình hình việc làm.
- SVTN: sinh viên tốt nghiệp.

**Điều 3. Mục đích**

Công tác KSTHVL của sinh viên tốt nghiệp nhằm:

1. Thu thập, cung cấp và cập nhật thông tin, báo cáo về tình hình việc làm của SVTN và khả năng tham gia vào thị trường lao động của sinh viên.
2. Đảm bảo công tác hỗ trợ người học, dựa trên kết quả khảo sát để xây dựng và triển khai thực hiện các hoạt động cải tiến, điều chỉnh nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và tỉ lệ SVTN có việc làm.
3. Làm cơ sở để xây dựng và phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của các CSĐT; phục vụ công tác kiểm định chất lượng, thanh tra, kiểm tra theo quy định.
4. Tăng cường sự gắn kết giữa ĐHQG-HCM, các CSĐT thành viên và trực thuộc, sinh viên với doanh nghiệp.

**Điều 4. Nguyên tắc thực hiện**

1. Đảm bảo sự thống nhất trong hệ thống ĐHQG-HCM.
2. Đảm bảo tính khoa học, khách quan và trách nhiệm giải trình trước cơ quan quản lý nhà nước và xã hội.
3. Đảm bảo yêu cầu bảo mật thông tin trong việc thực hiện khảo sát.
4. Đảm bảo tính trung thực, không được thực hiện các hành vi can thiệp, gây áp lực, sửa chữa, làm sai lệch thông tin, số liệu, kết quả khảo sát.
5. Ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác khảo sát.

**Điều 5. Yêu cầu của công tác KSTHVL của sinh viên tốt nghiệp**

1. Đối tượng khảo sát: tất cả sinh viên chính quy, tốt nghiệp văn bằng thứ nhất trình độ đại học theo từng ngành đào tạo của năm học trước liền kề trong thời gian 12 tháng (18 tháng đối với ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe) kể từ khi có quyết định công nhận tốt nghiệp.
2. Việc tổ chức khảo sát phải được thực hiện hằng năm, định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của ĐHQG-HCM và các cơ quan có liên quan.
3. Số lượng SVTN được khảo sát có phản hồi (tính theo ngành đào tạo) phải đảm bảo đạt tỉ lệ phản hồi tối thiểu theo quy định tại Phụ lục 2. Nếu không đạt được tỉ lệ phản hồi tối thiểu theo quy định tại Phụ lục 2 thì báo cáo của CSĐT không đạt yêu cầu.
4. Việc xử lý dữ liệu kết quả khảo sát và thống kê số liệu phải có căn cứ khoa học, minh chứng, làm cơ sở đề xuất cải tiến các hoạt động có liên quan, nâng cao tỉ lệ SVTN có việc làm.

5. Lưu giữ các minh chứng và tài liệu thuộc hồ sơ lưu trữ theo quy định, cập nhật vào hệ thống CSDL của ĐHQG-HCM.

#### **Điều 6. Công tác thông kê báo cáo**

1. Báo cáo về KSTHVL của SVTN được thực hiện hằng năm, định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan có liên quan.

2. Báo cáo được gửi về ĐHQG-HCM, Bộ GD&ĐT và được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

3. Cập nhật kết quả KSTHVL sinh viên tốt nghiệp của đơn vị vào CSDL chung của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM tại trang thông tin điện tử <https://tttt.vnuhcm.edu.vn> trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

4. Báo cáo và các minh chứng kèm theo được lưu trữ trong thời gian 05 năm, kể từ khi công bố kết quả khảo sát.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ QUY TRÌNH KHẢO SÁT TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP**

#### **Điều 7. Nội dung công tác KSTHVL của sinh viên tốt nghiệp**

1. Tình trạng việc làm của SVTN.
2. Mức thu nhập bình quân/tháng của SVTN có việc làm.
3. Mức độ phù hợp của chuyên môn được đào tạo với việc làm mà SVTN đang đảm nhận.
4. Các ý kiến đóng góp để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động.
5. Tùy theo tình hình, đặc điểm và nhu cầu thực tế, Thủ trưởng CSĐT quyết định các nội dung thông tin khảo sát cần thiết khác chưa được quy định tại văn bản này.

#### **Điều 8. Tổ chức thực hiện khảo sát**

1. Hình thức khảo sát
  - a) Công tác KSTHVL của SVTN được triển khai bằng những hình thức phù hợp nhằm đảm bảo hiệu quả, tiến độ.
  - b) Tăng cường hình thức khảo sát trực tuyến và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác khảo sát.

## 2. Quy trình khảo sát

Quy trình cụ thể do đơn vị ban hành và tổ chức thực hiện phù hợp với quy định chung và thực tiễn của đơn vị, trong đó đảm bảo một số yêu cầu sau:

a) Lập kế hoạch khảo sát: xây dựng quy trình, bảng câu hỏi khảo sát phải đảm bảo tối thiểu các nội dung theo Mẫu 01 của Phụ lục 1 tại Quy định này; lập CSDL về SVTN trong thời gian 12 tháng (18 tháng đối với ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe) kể từ khi sinh viên được công nhận tốt nghiệp; thông báo và công bố đến các bên liên quan, trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

b) Tiến hành khảo sát: thực hiện khảo sát đến các đối tượng được khảo sát, triển khai các biện pháp nhằm đảm bảo SVTN được khảo sát có phản hồi đạt tỉ lệ yêu cầu (tính theo ngành đào tạo) theo quy định tại Phụ lục 2.

c) Phân tích kết quả khảo sát: sau khi thu thập kết quả khảo sát, các đơn vị chuẩn hóa dữ liệu, phân tích và thực hiện báo cáo theo Mẫu 02 và Mẫu 03 của Phụ lục 1 tại quy định này.

d) Sử dụng kết quả khảo sát: cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động khảo sát, nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ công tác khác có liên quan.

đ) Trách nhiệm giải trình: thực hiện giải trình theo quy định của Nhà nước và ĐHQG-HCM.

### **Điều 9. Báo cáo và công khai kết quả khảo sát**

1. Báo cáo bằng văn bản về Kết quả KSTHVL của SVTN tại các đơn vị gửi về ĐHQG-HCM trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Cập nhật minh chứng công khai trên trang thông tin điện tử báo cáo KSTHVL của SVTN tại các đơn vị (có dấu, chữ ký của lãnh đạo đơn vị).

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 10. Trách nhiệm của ĐHQG-HCM**

1. Giám đốc ĐHQG-HCM: chịu trách nhiệm, chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện các nội dung liên quan đến KSTHVL của SVTN tại ĐHQG-HCM.

2. Ban Công tác Sinh viên là đơn vị thường trực, tham mưu về chủ trương, quy định, hướng dẫn, là đầu mối phối hợp hoạt động về công tác KSTHVL của SVTN trong hệ thống ĐHQG-HCM.

3. Ban Đào tạo phối hợp triển khai thực hiện công tác báo cáo tình hình việc làm của SVTN tại ĐHQG-HCM.

**Điều 11. Trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị thành viên và trực thuộc ĐHQG-HCM**

1. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm về công tác KSTHVL của SVTN tại đơn vị.

2. Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của quy định này; phân công đơn vị phụ trách chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện; xây dựng, ban hành quy định và tổ chức thực hiện công tác KSTHVL của SVTN tại đơn vị.


3. Hằng năm, xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức công tác KSTHVL của SVTN tại đơn vị.

4. Có giải pháp phù hợp để sinh viên tham gia khảo sát và phản hồi khảo sát đảm bảo tỉ lệ theo quy định này.

5. Đảm bảo các hoạt động liên quan đối với công tác quản lý, kiểm tra công tác KSTHVL của SVTN tại đơn vị.

Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc ĐHQG-HCM quyết định điều chỉnh các nội dung cụ thể trong quy định này cho phù hợp với tình hình thực tế./.

**Phụ lục 1**  
**CÁC BIỂU MẪU**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-DHQG ngày tháng năm 2024  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh) 

Mẫu 01	Biểu mẫu về nội dung khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp
Mẫu 02	Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp
Mẫu 03	Báo cáo thống kê kết quả khảo sát (năm .....) về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp (năm ...)



**BIỂU MẪU VỀ NỘI DUNG KHẢO SÁT TÌNH HÌNH VIỆC LÀM  
CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP**

**A. Thông tin cá nhân**

1. Họ và tên: ..... Nam/nữ: .....
2. MSSV: .....
3. Ngành đào tạo: .....
4. Năm tốt nghiệp: .....

**B. Thông tin về tình trạng việc làm**

1. Tình hình việc làm của anh/chị hiện nay như thế nào?

- Đã có việc làm toàn thời gian  
 Đang làm việc bán thời gian  
 Đang theo học trình độ cao hơn  
 Chưa có việc làm\* (Chuyển sang trả lời tiếp câu 2)

2. Lý do anh/chị chưa có việc làm?

- Chưa có nhu cầu
- Chưa thể đi làm vì lý do khách quan (sức khỏe, đang thực hiện nghĩa vụ quân sự...)
- Đang tập trung học tiếp:
  - Sau đại học
  - Văn bằng 2
  - Khóa học ngắn hạn
- Chưa xin được việc làm

3. Sau khi tốt nghiệp bao lâu anh/chị có việc làm?

- Từ 01 đến 3 tháng                       Từ 3 đến 6 tháng  
 Từ 6 đến 9 tháng                       Từ 9 đến 12 tháng

4. Mức thu nhập bình quân/ tháng (tính theo VNĐ) từ công việc của anh/chị:

5. Nếu đã có việc làm (toàn thời gian/ bán thời gian) đề nghị anh chị cung cấp một số thông tin sau:

- Tên cơ quan anh chị đang làm:.....
- Địa chỉ:..... Tỉnh.....
- Thuộc khu vực làm việc
  - Nhà nước                                       Tư nhân
  - Tự tạo việc làm                               Có yếu tố nước ngoài



8. Anh/chị đánh giá như thế nào việc thông tin về cơ hội và nghề nghiệp hiện nay của nhà trường?

- Tốt                       Bình thường                       Chưa tốt

9. Theo anh/chị, chương trình đào tạo hiện nay của nhà trường cần cải thiện nội dung nào sau đây để phù hợp với nhu cầu xã hội (có thể lựa chọn nhiều câu trả lời)?

- Chuẩn đầu ra  
 Chương trình đào tạo cần được cập nhật thường xuyên  
 Cung cấp thông tin cụ thể về học phần dạy và học kết hợp (trực tuyến và trực tiếp).  
 Cung cấp đầy đủ các đề cương học phần giảng dạy kết hợp

10. Để góp phần gắn kết giữa nhà trường và cựu sinh viên, anh/chị mong muốn nhận được các thông tin nào?

- Kết quả khảo sát anh/chị đang tham gia  
 Các thông tin về học bổng sau đại học  
 Các thông tin tuyển dụng/ cơ hội nghề nghiệp liên quan tới chuyên ngành của anh/chị  
 Các thông tin tuyển sinh sau đại học và bằng 2  
 Duy trì hệ thống tra cứu thư viện điện tử liên quan đến chuyên ngành của anh/chị  
 Khác: .....

11. Các nội dung thông tin khảo sát khác cần thiết và phù hợp theo tình hình thực tế do Thủ trưởng đơn vị quyết định

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM  
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Thành phố Hồ Chí Minh,*

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp**

---

#### **I. Quá trình thực hiện**

1. Thời gian thực hiện khảo sát
2. Công tác chuẩn bị khảo sát
3. Cách thức lấy ý kiến khảo sát (phiếu khảo sát, link khảo sát...)
4. Thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện khảo sát

#### **II. Kết quả khảo sát**

##### **1. Số lượng đối tượng tham gia khảo sát của đơn vị**

- Số lượng đối tượng tham gia khảo sát
- Số lượng phiếu khảo sát thu được

##### **2. Kết quả đánh giá theo các tiêu chí trong phiếu khảo sát**

##### **3. Phân tích nguyên nhân và giải pháp đối với các ngành có tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp (SVTN) có việc làm cao/thấp**

##### **4. Nhu cầu được học bổ sung**

##### **5. Dự kiến sử dụng kết quả**

#### **III. Kế hoạch cải tiến**

#### **IV. Kiến nghị, đề xuất**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Mẫu 03

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM  
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh,

**BÁO CÁO THỐNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT NĂM .....**  
**VỀ TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM ...**

STT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số SVTN			Số SV phản hồi		Tình hình việc làm						Tỉ lệ SV phản hồi/Tổng số SVTN	Tỉ lệ SVTN có việc làm/tổng số SV phản hồi	Tỉ lệ SVTN có việc làm/tổng số SVTN	Khu vực làm việc				Mức lương hàng tháng (đ)
			Tổng số	Nữ	Tốt nghiệp đúng hạn	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm					Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
								Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo		Đang tìm việc làm	Chưa thể đi làm vì một lý do khách quan (sức khỏe, đi nghĩa vụ quân sự...)								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
...																					

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phụ lục 2**  
**TỈ LỆ PHẢN HỒI TRÊN TỔNG SỐ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐƯỢC**  
**KHẢO SÁT (TÍNH THEO NGÀNH ĐÀO TẠO)**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQG ngày tháng năm 2024  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)*

<b>Tổng số SVTN</b>	<b>Tỉ lệ sinh viên cần có phản hồi/ tổng số SVTN</b>	<b>Tổng số SVTN</b>	<b>Tỉ lệ sinh viên cần có phản hồi/ tổng số SVTN</b>	<b>Tổng số SVTN</b>	<b>Tỉ lệ sinh viên cần có phản hồi/ tổng số SVTN</b>
<=50	Tất cả sinh viên tốt nghiệp được khảo sát và phải có phản hồi				
[51-60]	87%	[371-380]	50%	[691-700]	35%
[61-70]	84%	[381-390]	50%	[701-710]	35%
[71-80]	83%	[391-400]	49%	[711-720]	35%
[81-90]	81%	[401-410]	49%	[721-730]	35%
[91-100]	80%	[411-420]	48%	[731-740]	34%
[101-110]	78%	[421-430]	47%	[741-750]	34%
[111-120]	77%	[431-440]	47%	[751-760]	34%
[121-130]	75%	[441-450]	46%	[761-770]	33%
[131-140]	74%	[451-460]	46%	[771-780]	33%
[141-150]	72%	[461-470]	45%	[781-790]	33%
[151-160]	71%	[471-480]	45%	[791-800]	33%
[161-170]	69%	[481-490]	44%	[801-810]	32%
[171-180]	68%	[491-500]	43%	[811-820]	32%
[181-190]	67%	[501-510]	43%	[821-830]	32%
[191-200]	66%	[511-520]	43%	[831-840]	31%
[201-210]	65%	[521-530]	42%	[841-850]	31%
[211-220]	64%	[531-540]	42%	[851-860]	31%
[221-230]	63%	[541-550]	41%	[861-870]	31%
[231-240]	62%	[551-560]	41%	[871-880]	30%

<b>Tổng số SVTN</b>	<b>Tỉ lệ sinh viên cần có phản hồi/ tổng số SVTN</b>	<b>Tổng số SVTN</b>	<b>Tỉ lệ sinh viên cần có phản hồi/ tổng số SVTN</b>	<b>Tổng số SVTN</b>	<b>Tỉ lệ sinh viên cần có phản hồi/ tổng số SVTN</b>
[241-250]	61%	[561-570]	40%	[881-890]	30%
[251-260]	60%	[571-580]	40%	[891-900]	30%
[261-270]	59%	[581-590]	39%	[901-910]	30%
[271-280]	58%	[591-600]	39%	[911-920]	29%
[281-290]	57%	[601-610]	39%	[921-930]	29%
[291-300]	56%	[611-620]	38%	[931-940]	29%
[301-310]	55%	[621-630]	38%	[941-950]	29%
[311-320]	55%	[631-640]	38%	[951-960]	29%
[321-330]	54%	[641-650]	37%	[961-970]	28%
[331-340]	53%	[651-660]	37%	[971-980]	28%
[341-350]	52%	[661-670]	36%	[981-990]	28%
[351-360]	52%	[671-680]	36%	[991-1000]	28%
[361-370]	51%	[681-690]	36%	>1000	25%